TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **185**/2022/DS-PT.
Ngày: 07/6/2022
Về việc: "Tranh chấp chia
Di sản thừa kế ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Toàn Giang
Các Thẩm phán : Ông Đỗ Minh Hoàng
Bà Nguyễn Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 07/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 434/2021/TLPT-DS ngày 29/11/2021, về việc: "Tranh chấp chia di sản thừa kế ";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 53/2021/DS-ST ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐ- PT ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Tuyết M , sinh năm 1965;

Đăng ký hộ khẩu thường trú : Số 50 gác 4, E1 Tập thể 8/3, phường QM , quận HBT, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay tạm trú: Thôn PH2, xã DT , huyện Đông A , thành phố Hà Nội - có mặt.

Bị đơn*:* Bà Phạm Thị C , sinh năm 1954;

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 42 ngõ VH(nay là Khu tập thể Bộ Công an ngõ 128A VH) phố TĐT, phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Ánh T , sinh năm 1986; có mặt.

2. Anh Bùi Xuân T , sinh năm 1985; có mặt.

Cùng trú tại: Số 42 ngõ VH(nay là Khu tập thể Bộ Công an ngõ 128A VH) phố TĐT, phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Tuyết A , sinh năm 1983;

Trú tại: Phòng 106 tổ 31 Tập thể Bộ T, phường TQ, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

4. Văn phòng Công chứng Vũ Tiến T ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Tiến T – Trưởng Văn phòng.

Trụ sở: Tổ 1 khu Xuân H , thị trấn Xuân M , huyện Chương M , thành phố Hà Nội; (vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự:

1. Luật sư Phạm Quang H thuộc Văn phòng Luật sư Hưng L – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị C ; vắng mặt.

2. Luật sư Hoàng Mậu T thuộc Văn phòng Luật sư P – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trịnh Thị Tuyết M ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trịnh Thị Tuyết M trình bầy:

Tôi (Trịnh Thị Tuyết M) và chồng tôi (ông Nguyễn Sỹ Lộc) đăng ký kết hôn hợp pháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 24/2017 ngày 25/3/2017 tại Ủy ban nhân dân phường QM , quận HBT, thành phố Hà Nội. Trước đó, ông Nguyễn Sỹ L đã từng kết hôn với bà Phạm Thị C . Tuy nhiên, do những mâu thuẫn không thể hòa giải được nên chồng tôi và bà Chính đã ly hôn theo bản án số 48/2016/HNGĐ về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình của Tòa án nhân dân quận Đngày 26/10/2016. Trong thời kỳ hôn nhân trước đó, chồng tôi và bà Chính cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 256, tờ bản đồ 7H-III-31 tại địa chỉ số 46 ngõ VH, phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội diện tích 22,7m2 và là đồng sở hữu đối với căn nhà hai tầng diện tích sử dụng: 44m2 trên mảnh đất này.

Ngày 27/4/2018, sau một thời gian dài chăm sóc và điều trị căn bệnh ung thư dạ dày nhưng do vào giai đoạn muộn, ông Nguyễn Sỹ L đã qua đời tại Bệnh viện Ung bướu Hà Nội. Trước khi mất, chồng tôi có lập di chúc để lại tài sản. Theo đó, tài sản thừa kế là một phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 46 ngõ VH, phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông L và bà Chính theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất MS: 10109093348, số quyết định cấp 1764/2005/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 11/7/2005 mang tên ông Nguyễn Sỹ L và bà Phạm Thị C . Thực trạng nhà và đất được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

1. Thửa đất được quyền sử dụng: Thửa đất số 256; tờ bản đồ số 7H-III-31

- Địa chỉ 46 ngõ VH, phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội; Diện tích 22,7m^2; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 22,7m^2; Sử dụng chung: 0m^2 ; Mục đích sử dụng đất ở đô thị; Thời hạn sử dụng lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất không thu tiền sử dụng đất.

2. Tài sản gắn liền với đất: Theo kê khai nhà xây gạch 02 tầng diện tích xây dựng: 22,7m^2; diện tích sử dụng 44.0 m^2.

Trước khi mất, ông Nguyễn Sỹ L có lập di chúc để lại tài sản với nội dung như sau:

" *Theo ý nguyện của tôi, sau khi tôi qua đời, đối với toàn bộ phần tài sản của tôi nói trên bằng di chúc này tôi quyết định như sau: Một phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của tôi đối với thửa đất nêu trên, tôi để lại cho vợ của tôi là: Bà Trịnh Thị Tuyết M , sinh năm 1965, CMTND: 011589796 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 15/9/2008 đăng ký hộ khẩu tại 50 gác 4 E1 Tập thể 8/3 phường QM , quận HBT, thành phố Hà Nội. Sau này thuận theo lẽ tự nhiên mà tôi qua đời hay vì bất kỳ lý do gì mà tôi đột ngột qua đời thì, bằng di chúc này: Tôi để lại toàn bộ phần quyền và nghĩa vụ của mình liên quan đến tài sản của tôi nêu trên cho vợ của tôi là bà Trịnh Thị Tuyết M (có thông tin nhân thân nêu trên), nếu có tranh chấp gì xảy ra liên quan đến tài sản nêu trên thì bà Trịnh Thị Tuyết M có toàn bộ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với một phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nêu trên; đồng thời có trách nhiệm thực hiện các công việc và thủ tục theo quy định của pháp luật để tiến hành khai nhận di sản thừa kế là một phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất nêu trên"*

Nhà và đất trên tôi không có công sức đóng góp gì trong việc hình thành duy trì và phát triển.

Hiện nay, toàn bộ nhà và đất nêu trên đang do bà Phạm Thị C quản lý và sử dụng. Do đó tôi đề nghị Tòa án nhân dân quận Đ chia di sản thừa kế là một phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với nhà và đất tại địa chỉ số 46 ngõ VH, phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội theo di chúc của ông Phạm Sỹ Lộc. Tôi muốn nhận di sản thừa kế bằng giá trị là 600.000.000 đồng.

*** Bị đơn là bà Phạm Thị C trình bầy**: Tôi và ông Nguyễn Sỹ L kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội cấp chứng nhận đăng ký kết hôn vào năm 1975. Sau khi kết hôn, tôi và ông L sống tại địa chỉ 42 ngõ VH, phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội. Đến ngày 26/10/2016 tôi và ông L ly hôn và được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật tại Tòa án nhân dân quận Đ.

Trong quá trình chung sống, tôi và ông Nguyễn Sỹ L có hai con gái là cháu Nguyễn Thị Tuyết A , sinh năm 1983 và cháu Nguyễn Thị Ánh T sinh năm 1986. Hiện hai con đã trưởng thành và lập gia đình riêng. Bố mẹ đẻ của ông Nguyễn Sỹ L là cụ Nguyễn Văn P , đã chết ngày 16/5/2008 và cụ Đặng Thị X , đã chết ngày 13/4/2012.

Nguồn gốc nhà và đất tại địa chỉ Số 46 ngõ VH(nay là khu tập thể Bộ công an ngõ 128A), ngõ VH, phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội là do mẹ chồng tôi mua cho hai vợ chồng tôi vào năm 1975. Ban đầu là nhà vách đất lợp giấy dầu, đến năm 1995 vợ chồng tôi cải tạo thành nhà xây bằng gạch ba panh và mái lá cọ. Sau đó qua nhiều lần, đến năm 1995 vợ chồng tôi xây tường gạch, đổ mái bằng bê tông và một gác lửng mái lợp bằng phiproximang. Cùng trong năm 1995 tôi và ông L bán cho anh T (hiện nay anh T đã bán cho người khác), giá bao nhiêu tôi không còn nhớ. Nhà và đất hiện nay tại địa chỉ Số 46 ngõ VH(nay là khu tập thể Bộ công an ngõ 128A), ngõ VH, phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội được hình thành từ đất lấn chiếm. Ngày 11/7/2005 tôi và ông Nguyễn Sỹ L được Uỷ ban nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất MS: 10109093348 Số QĐ cấp: 1764/2005/QĐ - UB cho diện tích 22.7 m2. Đến năm 2016, cháu Nguyễn Thị Ánh T và chồng là Bùi Xuân T hiện đang ở cùng với tôi tại địa chỉ nhà đất trên có bỏ ra số tiền khoảng 300 triệu đồng để tu sửa lại thành nhà hai tầng như hiện nay.

Sau khi ly hôn với tôi, ông L kết hôn với bà Trịnh Thị Tuyết M vào ngày 25/3/2017.

Hiện nay tôi biết ông Nguyễn Sỹ L có để lại di chúc cho bà Trịnh Thị Tuyết M là một phần quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của tôi đối với thửa đất số 256; tờ bản đồ số 7H-III-31, địa chỉ: Số 46 ngõ VH(nay là khu tập thể Bộ Công an 128A ngõ VH), phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội. Quan điểm của tôi:

+ Tôi không đồng ý với nội dung yêu cầu chia thừa kế của bà Mai;

+ Bà Mai không có bất cứ đóng góp gì đối với tài sản nêu trên;

+ Bản di chúc của ông Nguyễn Sỹ L (lập tại Văn phòng công chứng Vũ Tiến T , địa chỉ: Tổ 1 khu Xuân H , Xuân M , huyện Chương M , thành phố Hà Nội) do bà Mai xuất trình cho Tòa án có dấu hiệu không đảm bảo tính hợp pháp, cần phải xem xét đánh giá theo quy định của pháp luật (tại sao ông L ở Hà Nội mà di chúc lại làm ở Xuân M). Vì vậy tôi đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Mai. Và tôi yêu cầu đưa Văn phòng Công chứng Vũ Tiến T vào tham gia tố tụng vụ án để làm rõ tính hợp pháp của Di chúc. Tôi nghi ngờ bà Mai có âm mưu chiếm đoạt tài sản gia đình tôi.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Bùi Xuân T thống nhất trình bầy: Vợ chồng tôi đang ở cùng với bà Chính tại địa chỉ số 42 ngõ VH. Năm 2016, vợ chồng tôi cho bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Sỹ L vay 300.000.000 đồng để sửa chữa nhà. Việc cho vay được đưa thành hai đợt. Cụ thể, đợt 1 là 250 triệu đồng và đợt 2 là 50 triệu đồng. Nay tôi yêu cầu bà Phạm Thị C phải trả số tiền 300.000.000 đồng và không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của bà Trịnh Thị Tuyết M .

2. Chị Nguyễn Thị Tuyết A : Không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của bà Trịnh Thị Tuyết M .

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bầy:** Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là 1 phần quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với nhà và đất tại địa chỉ 46 ngõ VH, phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội theo di chúc của ông Nguyễn Sỹ Lộc, theo đó bà Trịnh Thị Tuyết M được hưởng 1 nửa tài sản trong khối tài sản trên.

Bản án dân sự sơ thẩm số **53**/2021/DS-ST ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Đđã xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu chia thừa kế của bà Trịnh Thị Tuyết M về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo di chúc của ông Nguyễn Sỹ Lộc.

2. Xác định hàng thừa kế theo di chúc của ông Nguyễn Sỹ L là bà Trịnh Thị Tuyết M .

3. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Sỹ L là ½ nhà đất tại số 46 ngõ VH(nay là khu Tập thể Bộ Công an 128A ngõ VH), phường HB , quận Đ, thành phố

Hà Nội có giá trị 457.789.560 đồng. Chia di sản theo di chúc của ông L bằng giá trị đó, bà Mai đươc nhận giá trị di sản là 457.789.560 đồng.

4. Bà Phạm Thị C được toàn quyền sử dụng đối với giá trị nhà đất tại số 46 ngõ VH(nay là khu Tập thể Bộ Công an 128A ngõ VH), phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội và phải thanh toán cho bà Mai số tiền 457.789.560 đồng.

5. Dành quyền khởi kiện cho chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Bùi Xuân T đối với bà Phạm Thị C bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm,

Bị đơn bà Phạm Thị C , người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ánh T , chị Nguyễn Thị Tuyết A , anh Bùi Xuân T kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Trịnh Thị Tuyết M , Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Mai; bị đơn bà Phạm Thị C , người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ánh T , chị Nguyễn Thị Tuyết A , anh Bùi Xuân T đã tự nguyện thỏa thuận:

- Bà Phạm Thị C tự nguyện trả cho bà Trịnh Thị Tuyết M số tiền 280.000.000 đồng. Nguyên đơn bà Trịnh Thị Tuyết M đã nhận đủ số tiền 280.000.000 đồng và không có yêu cầu thắc mắc gì. Các đương sự xuất trình kèm theo văn bản thỏa thuận giải quyết vụ án và biên bản giao tiền ngày 07/6/2022.

- Bà Chính được toàn quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà đất tại số 46 ngõ VH, phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất MS: 10109093348, số quyết định cấp 1764/2005/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 11/7/2005 mang tên ông Nguyễn Sỹ L và bà Phạm Thị C .

- Bà Phạm Thị C có quyền, nghĩa vụ chủ động kê khai và đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản hoặc đính chính lại chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền trên đất đối với Thửa đất số 256; tờ bản đồ số 7H-III-31 - Địa chỉ 46 ngõ VH, phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội; Diện tích 22,7m^2 - Tài sản gắn liền với đất: Theo kê khai nhà xây gạch 02 tầng diện tích xây dựng: 22,7m^2; diện tích sử dụng 44.0 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất MS: 10109093348, số quyết định cấp 1764/2005/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội đã cấp ngày 11/7/2005. Bà Phạm Thị C đang quản lý giữ bản gốc (chính) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

- Bị đơn bà Phạm Thị C đề nghị xem xét miễn án phí vì bà là Người cao tuổi và đề nghị xét xử vụ án vắng mặt luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Chị Nguyễn Thị Ánh T , anh Bùi Xuân T cùng không yêu cầu bà Chính trả lại 300.000.000 đồng tiền sửa chữa nhà.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa đã thỏa thuận với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án; không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết bất cứ vấn đề gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ bản án, đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS: Sửa bản án sơ thẩm số 53 ngày 6/5/2021 của Tòa án quận Đtheo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Bà Chính thanh toán cho bà Mai 280.000.000 đồng, bà Chính được toàn quyền sử dụng nhà đất tại 46 ngõ VH, Đ, Hà Nội. Chị Tuyết, anh Tuấn không yêu cầu bà Chính trả lại 300.000.000 đồng tiền sửa nhà. Bà Chính là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, TAND quận Đ giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo, biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được xác định là kháng cáo hợp lệ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng Vũ Tiến T đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Sau khi được tống đạt bản án sơ thẩm không kháng cáo. Đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Các đương sự có mặt tại phiên tòa gồm: Nguyên đơn bà Trịnh Thị Tuyết M , Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Mai; bị đơn bà Phạm Thị C , người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ánh T , chị Nguyễn Thị Tuyết A , anh Bùi Xuân T đã thỏa thuận với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án.

Xét thấy: Việc thỏa thuận cách giải quyết toàn bộ vụ án của các đương sự có mặt tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.2] Đối với chị Nguyễn Thị Ánh T , anh Bùi Xuân T cùng không yêu cầu bà Chính trả lại 300.000.000 đồng tiền sửa chữa nhà. Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí:

[3.1] Đối với bị đơn bà Phạm Thị C , sinh năm 1954 là Người Cao tuổi nên

được miễn án phí theo quy định tại Điều 2 Luật Người Cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Trịnh Thị Tuyết M phải chịu 14.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2]. Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Người đã nộp tiền tạm ứng án phí được đối trừ với nghĩa vụ án phí phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều: 147,148, 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 2 Luật Người Cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 53/2021/DS-ST ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Đvà Quyết định như sau:

[1]. Công nhận sự thỏa thuận của Nguyên đơn bà Trịnh Thị Tuyết M , Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Mai; bị đơn bà Phạm Thị C , người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ánh T , chị Nguyễn Thị Tuyết A , anh Bùi Xuân T :

[1.1] Bà Phạm Thị C tự nguyện trả cho bà Trịnh Thị Tuyết M số tiền 280.000.000 đồng. Xác nhận nguyên đơn bà Trịnh Thị Tuyết M đã nhận đủ số tiền 280.000.000 đồng ngay tại phiên tòa phúc thẩm và không có yêu cầu thắc mắc gì.

[1.2] Bà Phạm Thị C được tiếp tục quản lý sử dụng và sở hữu tài sản gắn liền trên đất đối với Thửa đất số 256; tờ bản đồ số 7H-III-31 - Địa chỉ 46 ngõ VH, phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội; Diện tích 22,7m^2 - Tài sản gắn liền với đất: Theo kê khai nhà xây gạch 02 tầng diện tích xây dựng: 22,7m^2; diện tích sử dụng 44.0 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất MS: 10109093348, số quyết định cấp 1764/2005/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 11/7/2005 mang tên ông Nguyễn Sỹ L và bà Phạm Thị C .

[1.3] Bà Phạm Thị C có quyền, nghĩa vụ chủ động đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai và đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản hoặc đính chính lại chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền trên đất đối với Thửa đất số 256; tờ bản đồ số 7H-III-31 - Địa chỉ 46 ngõ VH, phường HB , quận Đ, thành phố Hà Nội; Diện tích 22,7m^2 theo - Tài sản gắn liền với đất: Theo kê khai nhà xây gạch 02 tầng diện tích xây dựng: 22,7m^2; diện tích sử dụng 44.0 m^2, theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

[2]. Về án phí:

[2.1] Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thị C .

[2.2] Bà Trịnh Thị Tuyết M phải chịu 14.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà Mai đã nộp 12.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AN/2010/ 0007416 ngày 12/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, Hà Nội. Bà Mai còn phải chịu tiếp 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[2.3]. Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho bà Phạm Thị C , chị Nguyễn Thị Ánh T , chị Nguyễn Thị Tuyết A , anh Bùi Xuân T mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lại thu tiền số AA/2020/ 0069049; số AA/2020/ 0069050; số AA/2020/ 0069051; số AA/2020/ 0069052 cùng ngày 28/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy đinh tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp.Hà Nội ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- TAND quận Đ;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VŨ TOÀN GIANG